

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 29/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 5 - 2018.

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hồng Chinh

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phùng Như

2. Bà Trần Ngọc Diệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Lộc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện R xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/20118/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Ngọc G, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp K, xã B, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Phong P, sinh năm 1975 .

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện R, tỉnh Kiên Giang.

(các đương sự có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn, bà Lê Ngọc G trình bày:

Bà và ông Trần Phong P sống chung với nhau như vợ chồng kể từ năm 1994 đến nay, không có đăng ký kết hôn.

Vợ chồng chung sống đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân kể từ đó cho đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do hai bên không phù hợp tính ý, bất đồng quan điểm sống. Do đó, bà yêu cầu ly hôn với ông P.

Về con chung: Có 02 con chung là Trần Bích T, sinh năm 1995 và Trần Thanh T, sinh năm 2000. Hiện 02 con đã trưởng thành và đang sống với bà. Các con đã trưởng thành nên có quyền tự quyết định, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/4/2018 và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Phong P trình bày:

Ông P xác định trình bày của bà G về tình trạng hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung là đúng.

Đối với yêu cầu của bà G, ý kiến ông như sau:

- Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà G.
- Về con chung: Các con đã trưởng thành nên có quyền tự quyết định, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/4/2018, chị Trần Bích T - sinh năm 1995 và chị Trần Thanh T - sinh năm 2000 trình bày:

Chị Bích T và chị Thanh T khai là con chung của ông Trần Phong P và bà Lê Ngọc G. Đối với việc ly hôn giữa cha mẹ chị Bích T và chị Thanh T không có ý kiến gì, về tài sản chung và nợ chung của cha mẹ cũng không có yêu cầu hoặc đề nghị gì, về cuộc sống các chị đã trưởng thành và tự lập. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa: Bà G và ông P xác định không còn tình cảm vợ chồng và đồng ý ly hôn. Con chung đã trưởng thành muốn sống với ai cũng được, bản thân các con cũng đã sống tự lập, tài sản chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xét hỏi, tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp: Bà Lê Ngọc G khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Phong P nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại ấp L, xã T, huyện R, tỉnh Kiên Giang nên căn vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện R.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà Lê Ngọc G yêu cầu được ly hôn với ông Trần Phong P. Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng với lời trình bày của các đương sự đã xác định bà Lê Ngọc G và ông Trần Phong P sống chung như vợ chồng kể từ năm 1994 nhưng đến nay ông bà không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Tòa án không công nhận quan hệ giữa bà G và ông P là vợ chồng.

Về con chung: Chị Trần Bích T và chị Trần Thanh T đều đã trưởng thành và không có yêu cầu hoặc đề nghị gì đối với việc ly hôn giữa bà G và ông P nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà G và ông P đều không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí ly hôn sơ thẩm bà Lê Ngọc G phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008330, ngày 08 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Bà G đã nộp đủ án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Lê Ngọc G và ông Trần Phong P là vợ chồng.

[2] Về con chung: Bà G và ông P có hai người con chung là chị Trần Bích T và chị Trần Thanh T, đều đã trưởng thành và không có yêu cầu hoặc đề nghị gì nên Tòa án không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà G và ông P đều không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm bà Lê Ngọc G phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008330, ngày 08 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R. Bà G đã nộp đủ án phí theo quy định.

[5]. Về quyền kháng cáo: Báo cho bà Lê Ngọc G và ông Trần Phong P được biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 21/5/2018.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

* Nơi nhận:

- VKSND huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đương sự cư trú;
- Lưu.

Lê Văn Hồng Chinh